

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021.

Về việc: " Tranh chấp ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Doãn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “ *Tranh chấp ly hôn* ”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn chị Trần Thị T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày :

1. *Về hôn nhân:*

Được sự đồng ý của hai gia đình nên tôi và anh Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau vào năm 1995, chúng tôi không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chúng tôi sống chung với gia đình bên chồng, luôn có mâu thuẫn với nhau, đến năm 2014 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và chúng tôi đã sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do chồng tôi tính tình quá khó khăn, luôn nghe theo lời Cha Mẹ chồng, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình phải thông qua ý kiến Mẹ chồng. Trong thời gian sống ly thân chúng tôi vẫn thường xuyên gặp nhau nhưng không bàn tính việc hàn gắn lại với nhau được, hai bên gia đình cũng không giải quyết gì cho chúng tôi. Hôm nay tôi thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên yêu cầu được ly hôn.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Tôi và Trần Thị T sống chung với nhau vào năm 1995, chúng tôi không đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, thời gian sau luôn có mâu thuẫn và chúng tôi đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm trong việc làm ăn mà không tự giải quyết với nhau được. Trong thời gian sống ly thân chúng tôi vẫn thường xuyên gặp nhau nhưng không tự hàn gắn lại với nhau được. Hôm nay vợ tôi yêu cầu ly hôn, tôi cũng đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Chị T khai: Trong thời gian sống chung chúng tôi có với nhau một đứa con tên Nguyễn Phước T, sinh ngày 01/01/1997, hiện đã trưởng thành đã có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Anh T khai: Tôi thừa nhận trong thời gian sống chung, chúng tôi có với nhau một đứa con như vợ tôi trình bày, hiện con tôi đã trưởng thành đã có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh T trình bày: Chúng tôi không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Chị T và anh T trình bày: Chúng tôi không nợ ai và cũng không ai nợ lại chúng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Xét yêu cầu của chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T địa chỉ ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều

39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Trần Thị T có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin vắng mặt) nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:*

Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh T là hoàn toàn tự nguyện, trước khi sống chung anh chị đã có thời gian tìm hiểu nhau nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo luật định, do anh chị không tuân thủ theo pháp luật quy định nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung:*

Đối với cháu Nguyễn Phước T, sinh năm 1997 đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh chị trình bày: Trong thời gian sống chung anh chị không thiếu nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình:

Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010070, quyển số 0202 ngày 09/3/ 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn có mặt được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Báo cho bị đơn vắng mặt được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh,
- VKSND huyện,
- Chi cục THA dân sự huyện,
- Đường sự,
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Kim Doãn

Các Hội Thẩm

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Doãn

Nơi nhận

THẨM

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Chi cục THA dân sự huyện.
- Đường sự.
- Lưu HS DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Doãn